

THÔNG BÁO CỦA HIỆU TRƯỞNG
Về việc Tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2015

Kính gửi:

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

- Căn cứ “Quy chế NCKH của sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất” ban hành theo Quyết định số 487/QĐ-MĐC ngày 08/05/2014;
- Căn cứ kế hoạch hàng năm về NCKH và thi Olympic trong sinh viên;
- Đề động viên phong trào học tập trong sinh viên và lựa chọn đội tuyển thi Olympic Quốc gia năm 2015;

THÔNG BÁO:

1. Nhà trường tổ chức kỳ thi Olympic năm 2015 trong chương trình đã được học cho các môn:

- | | |
|-----------------|-------------------------------------|
| 1. Đại số | 8. Sức bền vật liệu |
| 2. Giải tích | 9. Cơ học đất |
| 3. Vật lý | 10. Thủy lực |
| 4. Hóa học | 11. Chi tiết máy |
| 5. Tin học | 12. Cơ sở lý thuyết mạch |
| 6. Cơ lý thuyết | 13. Tiếng Anh (K55; K56; K57+58+59) |
| 7. Hình họa | 14. Khoa học Mác - Lênin và TT HCM |

2. Thời gian thi: **ngày 15 tháng 03 năm 2015 (Chủ nhật)** đồng thời tại Hà Nội và Vũng Tàu.

3. Đối tượng dự thi là sinh viên hệ chính quy đạt các tiêu chuẩn sau:

- Điểm thi trong kỳ gần nhất của môn đăng ký dự thi phải đạt 7/10 điểm (theo hệ niên chế) và điểm B (theo hệ tín chỉ) trở lên;
- Nếu chưa có điểm thi của môn tương ứng, sinh viên phải có năng khiếu về chuyên môn và được giáo viên phụ trách môn học lựa chọn. Giáo viên phụ trách môn học chịu trách nhiệm ký xác nhận vào bản danh sách đăng ký dự thi;
- Mỗi sinh viên chỉ được đăng ký dự thi 01 trong các môn thi trên.

4. Đoàn TNCS HCM Trường động viên phong trào và thông báo rộng rãi đến từng sinh viên, hướng dẫn sinh viên đăng ký, lập danh sách thí sinh gửi về bộ môn có môn thi Olympic và gửi danh sách chính thức về **phòng KHCN trước ngày 05/02/2015**.

Đề nghị các đơn vị quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên; Ban Tổ chức;
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu KHCN, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

THÔNG BÁO

Về việc Đăng ký bổ sung kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2015

Kính gửi:

- Thực hiện kế hoạch KHCN năm 2015 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường và chuẩn bị cho việc thành lập các đội tuyển thi Olympic cấp Quốc gia năm 2015;

- Căn cứ nội dung cuộc họp Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2015 ngày 02 tháng 3 năm 2015.

- Nhằm thúc đẩy tinh thần học tập trong toàn Trường, Nhà trường quyết định gia hạn thời gian đăng ký dự thi Olympic cấp Trường đến hết ngày **13 tháng 3 năm 2015**. Đoàn TNCS HCM Trường tiếp tục kết hợp cùng các lớp, các Liên chi đoàn các Khoa tuyên truyền, động viên các em sinh viên đăng ký tham dự kỳ thi Olympic cấp Trường theo nội dung các môn thi đã được thông báo trước đây. Đối với những môn thi không xét đến điều kiện điểm thi, các em sinh viên nếu xét thấy đủ năng lực dự thi có thể đăng ký tham gia.

Nhà trường yêu cầu các đơn vị có liên quan cần khẩn trương thực hiện ngay sau khi nhận được thông báo này./.

Nơi nhận: *Uy*

- Như trên;
- Lưu KHCN.

Kē. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Thanh Hải*

Số: 251 /TB.MĐC-KHCN

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2015

THÔNG BÁO CỦA HIỆU TRƯỞNG

Về việc Triển khai thi Olympic cấp Trường năm 2015

Thực hiện Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất số 250/QĐ-MĐC ngày 17/3/2015, Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2015 thông báo kế hoạch cụ thể như sau:

1. Kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2015 được tổ chức vào **ngày 22/3/2015 (Chủ nhật)** cho các môn **Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hoá học, Sức bền vật liệu, Cơ học đất, Cơ lý thuyết, Thủy lực, Chi tiết máy, Tiếng Anh (ở 3 mức), Khoa học Mác – Lênin và TT HCM, Hình họa, Cơ sở lý thuyết mạch.**

2. Nội dung thi Olympic cấp Trường năm 2015 ở các môn thi nằm trong khuôn khổ kiến thức của chương trình đã được học.

3. Việc tổ chức kỳ thi được tiến hành đồng thời tại 2 địa điểm: Hà Nội và Vũng Tàu vào buổi sáng ngày 22/3/2015 (Chủ nhật).

4. Giờ thi được quy định như sau:

Sáng: **7h30 gọi thí sinh vào phòng thi**

7h50 phát đề thi

8h00 bắt đầu thi

Thời gian thi: - Môn Tiếng Anh, Hình họa và môn Tin học: 120 phút

- Các môn còn lại: 180 phút

5. Địa điểm thi các môn tại Hà Nội cụ thể như sau:

TT	Môn thi	Số lượng thí sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	Tin học	18	C504	Nhà C
2	Cơ học đất	21	D4-3	Nhà D
3	Hình họa	14		
4	Sức bền vật liệu	32	D3-2	Nhà D
5	Vật lý	21	D4-2	Nhà D
6	Thủy lực	14		
7	Khoa học Mác – Lênin và TT HCM	36	D3-3	Nhà D
8	Chi tiết máy	56	D5-2	Nhà D
9	Hóa học	31	D3-4	Nhà D
10	Đại số	44	D5-3	Nhà D
11	Giải tích	45	D3-1	Nhà D
12	Cơ lý thuyết	25		
13	Tiếng Anh K59	33	D4-1	Nhà D
14	Tiếng Anh K58	54		
15	Tiếng Anh K55+56+57	82	D2-1	Nhà D
Tổng		478		

6. Ban Chỉ đạo thi trực tại Văn phòng Đoàn Thanh niên (tầng 1 nhà F).

7. Quy chế thi được áp dụng theo quy chế thi tuyển sinh hiện hành.

Lưu ý: **Các thí sinh dự thi bắt buộc phải mang chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ sinh viên.**

Thông báo này được phổ biến rộng rãi tới toàn thể các Khoa, các lớp sinh viên (có thi sinh đăng ký dự thi), Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Trường, Ban Tổ chức thi và cán bộ coi thi Olympic 2015 để thực hiện.

Nơi nhận: Cb

- Như điều 7;

- Lưu TCCB, HCTH, KHCN.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Thanh Hải*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thí sinh thi Olympic cấp Trường năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ Trường Đại học” được ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương V “Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên” quy định về việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 487/QĐ-MĐC, ngày 08/5/2014;

Theo đề nghị của Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2015; xét yêu cầu và nguyện vọng của sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép các thí sinh (có tên trong danh sách kèm theo) tham dự kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2015 gồm các môn: Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hoá học, Sức bền vật liệu, Cơ học đất, Cơ lý thuyết, Thủy lực, Chi tiết máy, Khoa học Mác – Lênin và TT HCM, Cơ sở lý thuyết mạch, Hình họa, Tiếng Anh (3 mức độ) đồng thời ở 2 địa điểm Hà Nội và Vũng Tàu vào ngày 22/3/2015.

Điều 2. Giao cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường động viên, theo dõi việc tham dự thi và xử lý kỷ luật đối với các thí sinh bỏ thi không có lý do.

Điều 3. Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường, các đơn vị chức năng liên quan và các thí sinh có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: *ly*

- Như điều 3;
- Lưu TCCB, HCTH, KHCN.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Thanh Hải*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015
Môn thi: CHI TIẾT MÁY
Phòng thi: D5-2

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	CT01	Hà Văn An	Máy& TB Mỏ K57	1221060503		
2	CT02	Lê Ngọc Báu	Máy& TB Mỏ K57	1221060220		
3	CT03	Nguyễn Văn Bắc	Máy& TB Mỏ K57	1221060221		
4	CT04	Nguyễn Công Bằng	Máy& TB Mỏ K56	1121060010		
5	CT05	Đoàn Văn Cương	Máy& TB Mỏ K57	1221060018		
6	CT06	Phạm Đình Diên	Máy& TB Mỏ K57	1221060021		
7	CT07	Đào Tiến Đạt	Máy& TB Mỏ K55	1021060038		
8	CT08	Đinh Văn Đoàn	Máy& TB Mỏ K57	1221060029		
9	CT09	Lê Quang Đường	Máy& TB Mỏ K57	1221060201		
10	CT10	Nguyễn Văn Hạnh	Khoan Khai thác B K56	1121010120		
11	CT11	Nguyễn Đức Hải	Máy& TB Mỏ K55	1021060050		
12	CT12	Phạm Ngọc Hoàng	Máy& TB Mỏ K57	1221060302		
13	CT13	Phạm Văn Huân	Máy& TB Mỏ K57	1221060055		
14	CT14	Đoàn Trọng Hùng	Máy& TB Mỏ K57	1221060056		
15	CT15	Đỗ Văn Hùng	Máy& TB Mỏ K57	1221060057		
16	CT16	Đỗ Văn Hùng	Máy& TB Mỏ K57	1221060271		
17	CT17	Lương Văn Hùng	Máy& TB Mỏ K57	1221060058		
18	CT18	Đinh Ngọc Hường	Máy& TB Mỏ K57	1221060068		
19	CT19	Nguyễn Văn Huy	Máy& TB Mỏ K57	1221060061		
20	CT20	Nguyễn Hùng Huy	Máy& TB Mỏ K55	1021060065		
21	CT21	Nguyễn Huy Khánh	Máy& TB Mỏ K56	1121060256		
22	CT22	Nguyễn Thành Kiên	Máy& TB Mỏ K55	1021060074		
23	CT23	Nguyễn Bá Lợi	Máy& TB Mỏ K55	1021060084		
24	CT24	Nguyễn Hữu Luân	Máy& TB Mỏ K57	1221060086		
25	CT25	Đỗ Đức Minh	Máy& TB Mỏ K57	1221060091		
26	CT26	Nguyễn Văn Nam	Máy& TB Mỏ K55	1021060093		
27	CT27	Ngô Xuân Nghiệp	Máy& TB Mỏ K57	1221060094		
28	CT28	Đỗ Văn Phú	Máy& TB Mỏ K57	1221060100		
29	CT29	Nguyễn Văn Phú	Máy& TB Mỏ K57	1221060101		
30	CT30	Nguyễn Văn Quang	Máy& TB Mỏ K57	1221060383		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
31	CT31	Mai Văn Quý	Máy& TB Mỏ K57	1221060107		
32	CT32	Nguyễn Trường Sơn	Máy& TB Mỏ K56	1121060126		
33	CT33	Nguyễn Bá Hoàng Sơn	Máy& TB Mỏ K57	1221060392		
34	CT34	Phạm Văn Sơn	Máy& TB Mỏ K57	1221060114		
35	CT35	Doãn Cả Tân	Máy& TB Mỏ K57	1221060399		
36	CT36	Nguyễn Ngọc Thạch	Máy& TB Mỏ K57	1221060422		
37	CT37	Nguyễn Văn Thái	Máy& TB Mỏ K57	1221060118		
38	CT38	Hoàng Văn Thắng	Máy& TB Mỏ K57	1221060415		
39	CT39	Thịnh Văn Thắng	Máy& TB Mỏ K55	1021060125		
40	CT40	Hồ Thanh	Máy& TB Mỏ K57	1221060424		
41	CT41	Trần Đức Thanh	Máy& TB Mỏ K57	1221060426		
42	CT42	Mã Văn Thành	Máy& TB Mỏ K57	1221060120		
43	CT43	Lương Văn Thiều	Máy& TB Mỏ K57	1221060130		
44	CT44	Chu Văn Thông	Máy& TB Mỏ K57	1221060133		
45	CT45	Võ Văn Thực	Máy& TB Mỏ K57	1221060137		
46	CT46	Tạ Thế Trung	Máy& TB Mỏ K57	1221060155		
47	CT47	Lê Hà Trung	Máy& TB Mỏ K55	1021060142		
48	CT48	Nguyễn Đức Trường	Máy& TB Mỏ K57	1221060461		
49	CT49	Nguyễn Văn Trường	Máy& TB Mỏ K57	1221060162		
50	CT50	Nguyễn Mạnh Tú	Máy& TB Mỏ K57	1221060449		
51	CT51	Hoàng Ngọc Tư	Máy& TB Mỏ K57	1221060179		
52	CT52	Nguyễn Văn Tuấn	Máy& TB Mỏ K55	1021060150		
53	CT53	Hoàng Thanh Tùng	Máy& TB Mỏ K57	1221060174		
54	CT54	Nguyễn Thanh Tùng	Máy& TB Mỏ K57	1221020490		
55	CT55	Phạm Thành Tùng	Máy& TB Mỏ K55	1021060154		
56	CT56	Nguyễn Thanh Việt	Máy& TB Mỏ K57	1221060494		

(tổng số 56 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: CƠ HỌC ĐẤT

Phòng thi: D4-3

STT	Số BD	Họ và tên	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	C01	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ĐCCT B K56	1121020237		
2	C02	Nguyễn Tuấn Anh	HTCS K57	1221070151		
3	C03	Đỗ Thế Anh	Ngầm và Mỏ K57	1221070001		
4	C04	Phạm Văn Công	ĐCCT B K56	1121020246		
5	C05	Đoàn Thị Hồng Diệu	ĐCCT A K56	1121020253		
6	C06	Lê Thị Dung	HTCS K57	1221070213		
7	C07	Nguyễn Đức Duy	ĐCTV A 56	1121020031		
8	C08	Đinh Văn Điệp	Ngầm và Mỏ K57	1221070036		
9	C09	Bạch Thế Hưng	ĐCCT-ĐKT B K56	1121020091		
10	C10	Ngô Thị Liên	ĐCCT B K56	1121020146		
11	C11	Nguyễn Anh Pháp	ĐCCT A K56	1121020146		
12	C12	Trịnh Thế Phương	Ngầm và Mỏ K57	1221070117		
13	C13	Đinh Thị Như Quỳnh	ĐCCT A K56	1121020339		
14	C14	Nguyễn Trọng Tài	ĐCCT A K56	1121020345		
15	C15	Nguyễn Mạnh Thái	Ngầm và Mỏ K57	1221070140		
16	C16	Phạm Chí Thanh	ĐCCT A K56	1121020355		
17	C17	Nguyễn Ngọc Thuần	ĐCCT A K56	1121020364		
18	C18	Trần Văn Tiến	ĐCCT A K56	1121020198		
19	C19	Nguyễn Thị Toan	ĐCCT A K56	1121020377		
20	C20	Phạm Văn Tú	HTCS K57	1221070165		
21	C21	Đặng Anh Tuấn	Ngầm và Mỏ K56	1221070029		

(tổng số 21 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: CƠ LÝ THUYẾT

Phòng thi: D3-1

TT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	X01	Cao Việt Anh	ĐCTV B K57	1221020226		
2	X02	Nguyễn Đức Chiêu	ĐCCT A K58	1321020438		
3	X03	Đỗ Quốc Doanh	Địa chất A K56	1221020026		
4	X04	Hồ Đình Đương	CT Ngầm B K58	1321070475		
5	X05	Hoàng Thị Hiền	Khai thác A K58	1321040091		
6	X06	Lê Công Hiếu	DD & CN K58	1321070499		
7	X07	Nguyễn Hoàng Hiếu	CT Ngầm A K58	1321070070		
8	X08	Tô Đức Hòa	HTCS K58	1321070073		
9	X09	Lê Văn Hưng	DD & CN K58	1321070537		
10	X10	Đinh Hữu Huy	Máy TĐ thủy khí K58	1321060143		
11	X11	Nguyễn Thế Huỳnh	DD & CN B K58	1321070090		
12	X12	Nguyễn Hoàn Kiếm		1221010183		
13	X13	Mai Đình Kiên	ĐCTV B K56	1121020100		
14	X14	Nguyễn Xuân Lê	Khai thác G K56	1121040162		
15	X15	Hoàng Thùy Linh	Khai thác A K58	1321040152		
16	X16	Nguyễn Xuân Lộc	CT Ngầm A K58	1321070564		
17	X17	Hoàng Quốc Lực	Khai thác C K56	1121040177		
18	X18	Phạm Minh Mẫn	Khai thác G K56	1121040184		
19	X19	Phí Đức Mạnh	DD & CN K58	1321070123		
20	X20	Nguyễn Thị Nhung	DD & CN K58	1321070139		
21	X21	Đặng Văn Phong	CT Ngầm B K58	1321070142		
22	X22	Hồ Thế Thành	Thiết bị DK K57	1121040177		
23	X23	Nguyễn Xuân Thịnh	Ngầm & Mỏ K58	1321070661		
24	X24	Nguyễn Thị Vân	Hạ tầng cơ sở K58	1321070714		
25	X25	Nguyễn Thị Yến	DD & CN K58	1321070213		

(tổng số 25 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: ĐẠI SỐ

Phòng thi: D5-3

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	D01	Nguyễn Duy Anh	Trắc địa A K59	1421030004		
2	D02	Phùng Thị Ngọc Anh	Kinh tế B K59	1424010237		
3	D03	Nguyễn Thị Trung Anh	Môi Trường B K59	1421080145		
4	D04	Trần Thị Bích	Tin Kinh tế A K59	1421050017		
5	D05	Trần Văn Chiến	Trắc địa A K59	1421030014		
6	D06	Nguyễn Thị Chinh	Kinh tế B K59	1424010018		
7	D07	Nguyễn Văn Cường	Tin Trắc Địa K59	1421050030		
8	D08	Giáp Trọng Doanh	Trắc địa B K58			
9	D09	Lê Đình Duẩn	CD Tự Động Hoá k58	1311060029		
10	D10	Phạm Văn Duy	ĐC B K56	1121020032		
11	D11	Trần Văn Giang	CNPM A K59	1421050371		
12	D12	Lê Đình Hải	CNPM K57	1221050202		
13	D13	Lê Khả Hải	CNPM K58A	1321050506		
14	D14	Phùng Thanh Hằng	Kinh tế B K59	1424010308		
15	D15	Nguyễn Thị Huệ	Mỏ A K59	1421040122		
16	D16	Lâm Thị Huệ	Địa chất A K59	1421020378		
17	D17	Nguyễn Huy Hùng	CNTT A K59	1421050077		
18	D18	Tô Thị Hương	Kinh tế B K59	1424010084		
19	D19	Đoàn Thị Hường	Kinh tế B K59	1424010388		
20	D20	Hoàng Văn Kiên	Trắc địa C K56	1121030320		
21	D21	Trần Văn Liệu	Trắc địa G K58	1321030679		
22	D22	Nguyễn Thị Thùy Linh	QTKD A K56	1124010181		
23	D23	Phạm Thị Linh	Trắc địa C K57	1221030014		
24	D24	Nguyễn Mai Loan	ĐST và CNMT K57	1221080041		
25	D25	Nguyễn Thị Mai	Tin Kinh tế A K59	1421050123		
26	D26	Hoàng Thị Thúy Ngân	Tin Kinh tế A K59	1421050140		
27	D27	Trương Văn Ngọc	NLK K56	1121020141		
28	D28	Phạm Thị Ngọc	Tin Kinh tế A K59	1421050531		
29	D29	Cao Xuân Phương	Điện Khí Hóa K58	1321060218		
30	D30	Nguyễn Thị Quyên	Tin Trắc địa K59	1421050559		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
31	D31	Nguyễn Trọng Sơn	Địa chất Dầu K56	1121010281		
32	D32	Phạm Ngọc Sơn	Lọc hóa Dầu A K57	1221010302		
33	D33	Nguyễn Công Sự	Trắc địa C K58			
34	D34	Nguyễn Văn Tấn	Cơ điện A K59	1421060242		
35	D35	Chu Thị Thảo	Môi trường B K59			
36	D36	Đào Duy Thu	Kinh tế B K59	1424010546		
37	D37	Nguyễn Quang Trung	ĐC A K59	1421020634		
38	D38	Lê Xuân Trường	ĐCTV A K57	1221020517		
39	D39	Phạm Đức Tuấn		1121010381		
40	D40	Vũ Thị Hồng Tươi	Tin học Địa chất K57	1221050116		
41	D41	Trần Văn Tuyển	Điện Điện tử A K58	1321060671		
42	D42	Lê Huy Văn	Trắc địa A K57			
43	D43	Đinh Quang Vinh	Cơ điện A K59	1421060317		
44	D44	Bùi Thị Yên	Tin học Trắc địa K56	1121050346		

(tổng số 44 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)





TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: GIẢI TÍCH

Phòng thi: D3-1

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	G01	Lê Tuấn Anh	DK A K59	1421010012		
2	G02	Trần Thị Lan Anh	Địa chính B K58	1321030011		
3	G03	Bùi Thị Ánh	Tin Kinh Tế K59A	1421050011		
4	G04	Uông Văn Bắc	Mỏ A K59	1421040368		
5	G05	Trương Công Bách	Trắc địa A K56	1121030232		
6	G06	Cao Thị Bích	Trắc địa C K57	1221030008		
7	G07	Hoàng Văn Chiến	CNPM B K59	1421050024		
8	G08	Nguyễn Văn Đạt	NLK K57	1221020038		
9	G09	Nguyễn Tiếp Điệp	ĐCCT B K58	1321020067		
10	G10	Nguyễn Văn Đức	ĐST& CNMT K58	1321080010		
11	G11	Lê Trung Dũng	ĐC A K59	1421020266		
12	G12	Lê Thọ Dương	ĐC B K59	1421020271		
13	G13	Phạm Hải Hà	Tự động hóa A K57	1221060041		
14	G14	Hoàng Văn Hải	Cơ Điện B K59	1421060402		
15	G15	Lê Thị Hằng	NLK K56	1121020066		
16	G16	Trần Trung Hiếu	ĐC A K58	1321020099		
17	G17	Phạm Hiếu Học	Trắc địa G K58	1321030597		
18	G18	Vũ Thị Huệ	Trắc địa G K58	1321030091		
19	G19	Nguyễn Hương Huy	Trắc địa C 56	1121030302		
20	G20	Mai Văn Huy	ĐCCT A56	1121020292		
21	G21	Nguyễn Văn Khải	Trắc địa D K58	1321030105		
22	G22	Đinh Văn Kiểm	Bản đồ K57	1221030203		
23	G23	Phạm Lê Hoàng Linh	Địa vật lý K57	1221010214		
24	G24	Phạm Thị Trà Mai	ĐCTV B K58	1321020622		
25	G25	Trần Văn Mạnh	Gis K56	1121030119		
26	G26	Tào Tuệ Minh	ĐCTV A K56	1121020127		
27	G27	Đặng Thị Ngọc	DK A K59	1421010219		
28	G28	Trần Hồng Ngọc	Trắc địa A K59	1421030142		
29	G29	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	ĐCTV A K56	1121020144		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
30	G30	Trần Thanh Phương	DK A K59	1421010250		
31	G31	Âu Thị Quang	ĐCB K56	1121020150		
32	G32	Vũ Minh Quốc	ĐCTV A K56	1121020156		
33	G33	Bùi Thị Quyên	NLK K57	1221020120		
34	G34	Tạ Văn Quyết	ĐC A K57	1221020442		
35	G35	Nguyễn Vinh Quỳnh	Mạng Máy tính K58	1321050169		
36	G36	Lý Văn Thanh	Điện khí hóa A K56	1121060281		
37	G37	Giang Thị Thoa	Trắc địa C K58			
38	G38	Nguyễn Văn Thỏ	ĐVL K68	1321010342		
39	G39	Phạm Vũ Tiến	Trắc địa B K59	1421030205		
40	G40	Trần Duy Toàn	Khai thác B K59	1421040295		
41	G41	Cao Văn Trung	Tin Trắc Địa K59	1421050667		
42	G42	Hoàng Quang Trường	Trắc địa D K58	1321030922		
43	G43	Đỗ Xuân Truyền	ĐC B K59	1421020639		
44	G44	Phạm Anh Tuấn	CNPM B K59	1421050690		
45	G45	Nguyễn Cảnh Vinh	DK A K59	1421010387		

(tổng số 45 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)





TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: **HÌNH HỌA**

Phòng thi: **D4-3**

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	HH01	Nguyễn Thanh Bình	Hạ tầng Cơ sở K58	1321070015		
2	HH02	Nguyễn Thị Huyền Chang	Khai thác H K58	1321040020		
3	HH03	Trần Hùng Diện	Địa chất A K57	1221020261		
4	HH04	Đỗ Văn Duy	Khoan thăm dò K57			
5	HH05	Trần Văn Hưng	Khoan khai thác A K57	1221010167		
6	HH06	Nguyễn Ngọc Linh	Khai thác D K56	1121040388		
7	HH07	Nguyễn Thị Linh	Lọc hóa Dầu A K57	1221010211		
8	HH08	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoan khai thác A K57	1221010229		
9	HH09	La Thị Oanh	Kế toán C K58	1324010634		
10	HH10	Nguyễn Nam Phong	Địa chất công trình A K56	1121020148		
11	HH11	Nguyễn Thị Phương	Trắc địa B K58			
12	HH12	Bùi Đình Sơn	Địa chất công trình A K58	1321020634		
13	HH13	Lương Hưng Thịnh	Hạ tầng Cơ sở K58	1321070182		
14	HH14	Nguyễn Thị Phương Trang	Địa chất Dầu K57	1221010364		

(tổng số 14 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC
=====

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
=====

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: HÓA HỌC

Phòng thi: D3-4

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	H01	Trần Tuấn Anh	Lọc hóa Dầu B K57	1221010265		
2	H02	Nguyễn Đình Cường	Khoan khai thác H K58	1321010054		
3	H03	Phạm Văn Cường	Máy & TB Mỏ K58	1321060043		
4	H04	Nguyễn Văn Cường	Lọc hóa Dầu A K58	1321010056		
5	H05	Lại Xuân Cường	ĐC B K59	1421020253		
6	H06	Nguyễn Văn Đăng	Khai thác B K57			
7	H07	Vũ Văn Đạt	Khai thác H K57			
8	H08	Trịnh Duy Định	Lọc hóa Dầu B K56	1121010086		
9	H09	Nguyễn Đình Đức	Lọc hóa Dầu A K58	1321010115		
10	H10	Phạm Thị Hạnh	Kế toán A K58	1324010085		
11	H11	Đào Thị Hằng	ĐC A K58	1321020527		
12	H12	Nguyễn Ngọc Hưng	Lọc hóa Dầu A K58	1321010184		
13	H13	Nguyễn Thị Hương	Kế toán B K58	1324010544		
14	H14	Bùi Văn Kiên	Kinh tế Dầu K58	1121010191		
15	H15	Trần Đình Linh	Lọc hóa Dầu B K56	1121010207		
16	H16	Nguyễn Bảo Long	Lọc hóa Dầu A K58	1324010572		
17	H17	Nguyễn Bảo Long	Lọc Hóa Dầu A K58	1324010572		
18	H18	Nguyễn Bá Mạnh	Lọc hóa Dầu A K58	1321010225		
19	H19	Trần Thị Thúy Nga	Lọc hóa Dầu A K57	1221010243		
20	H20	Nguyễn Bùi Minh Ngọc	Lọc hóa Dầu A K57	1221010248		
21	H21	Doãn Thị Mai Phương	Tin học Địa chất K57	1221050083		
22	H22	Nguyễn Văn Quang	Địa chất A K57	1221020117		
23	H23	Mai Xuân Thắng	Lọc hóa Dầu B K56	1121010313		
24	H24	Hoàng Mạnh Thắng	Mỏ A K59	1421040265		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
25	H25	Trần Thị Thu Thủy	Kế toán G K58	1324010293		
26	H26	Nguyễn Văn Tiến	Trắc địa D K58			
27	H27	Nguyễn Văn Tình	Điện Điện tử A K58	1321060637		
28	H28	Nguyễn Hà Trang	Lọc hóa Dầu A K58	1321010367		
29	H29	Phan Công Triển	Trắc địa A K57			
30	H30	Mai Thành Vinh	Lọc hóa Dầu B K56	1121010401		
31	H31	Nguyễn Văn Vinh	Lọc hóa Dầu A K58	1321010423		

(tổng số 31 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015
Môn thi: KHOA HỌC MÁC – LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM
Phòng thi: D3-3

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	M01	Đỗ Thị Lan Anh	Trắc địa B K59	1421030002		
2	M02	Phan Thế Anh	GIS K58	1321030009		
3	M03	Nguyễn Tuấn Anh	ĐC B K59	1421020008		
4	M04	Tường Duy Bôn	ĐC B K59	1421020021		
5	M05	Phạm Thị Chi	ĐC B K56	1121020243		
6	M06	Đặng Văn Chiến	GIS K57	1221030013		
7	M07	Nguyễn Thị Dương	Trắc địa B K57	1221030029		
8	M08	Mạc Thị Hà	QTKD A K58	1224010056		
9	M09	Bùi Văn Hanh	Máy TD thủy khí K58	1321060104		
10	M10	Bùi Công Hạnh	MCT K57	1221030047		
11	M11	Trương Thu Hiền	Kinh tế B K59	1424010050		
12	M12	Hoàng Thị Hồng	ĐST & CNMT K56	1121080045		
13	M13	Trương Văn Hùng	MCT K57	1221030302		
14	M14	Nguyễn Văn Hưng	ĐST & CNMT K58	1321080459		
15	M15	Lê Thu Hương	Kinh tế B K59	1424010079		
16	M16	Dương Thị Hương	Bản đồ K6	1121030310		
17	M17	Trịnh Quốc Huy	MCT K57	1221030092		
18	M18	Phạm Thị Huyền	Điện Điện tử A K58	1321060149		
19	M19	Đinh Đức Lâm	ĐCCT A K56	1121050055		
20	M20	Vũ Thị Lan	KTMT B K58	1321080400		
21	M21	Vũ Khánh Linh	Bản đồ K57	1221030092		
22	M22	Hoàng Việt Linh	Khai thác H K56	1121040164		
23	M23	Vũ Thị Loan	GIS K57	1221030095		
24	M24	Hoàng Hữu Long	ĐCCT B K56	1121020305		
25	M25	Vũ Hoàng Long	Kinh tế B K59	1424010431		
26	M26	Nguyễn Bích Ngọc	Kinh tế A K59	1424010461		
27	M27	Nguyễn Thị Hà Nhi	Trắc địa A K58	1321030760		
28	M28	Nguyễn Tấn Phước	Lọc hóa dầu A K57	1221010502		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
29	M29	Lại Thị Ngọc Quỳnh	ĐC A K59	1421020530		
30	M30	Nguyễn Thị Tâm	Trắc địa B K59	1421030538		
31	M31	Bùi Văn Thành	Điện Điện tử A K58	1321060266		
32	M32	Lê Thị Thảo	QTKD A K56	1124010315		
33	M33	Nguyễn Thị Thu	Điện Điện tử A K58	1321060359		
34	M34	Nguyễn Thị Hồng Thủy	QTKD A K58	1224010277		
35	M35	Lý Thị Thủy	Trắc địa B K57	1221030152		
36	M36	Trần Thị Việt	Kế toán B K58	1324010759		

(tổng số 36 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: **SỨC BỀN VẬT LIỆU**

Phòng thi: **D3-2**

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	S01	Trần Thế Anh	Xây dựng CTN B K58	1321070008		
2	S02	Dương Tuấn Anh		1221070191		
3	S03	Đặng Văn Bắc	Khai thác A K57	1221040015		
4	S04	Nguyễn Văn Chung	Xây dựng CTN B K58	1321070049		
5	S05	Đinh Văn Dũng	Xây dựng CTN B K58	1321070034		
6	S06	Nguyễn Văn Dương	Xây dựng CTN B K58	1321070039		
7	S07	Lê Văn Đô	Xây dựng CTN B K57	1221070038		
8	S08	Nguyễn Phú Đông	Xây dựng CTN K57			
9	S09	Nguyễn Đức Đường		1321070056		
10	S10	Trần Quang Hà		1331070313		
11	S11	Dương Trọng Hiếu	Khai thác A K57	1221040087		
12	S12	Nguyễn Văn Hoàng	Tuyển khoáng A K57	1221040101		
13	S13	Phạm Thị Hường	Xây dựng CTN B K58	1321070096		
14	S14	Nguyễn Xuân Huy	Tuyển khoáng A 57	1221040112		
15	S15	Bùi Hữu Kiều	Xây dựng CTN K58	1321070555		
16	S16	Nguyễn Đức Lâm	Xây dựng CTN B K58	1321070558		
17	S17	Nguyễn Minh Ngọc	Khoan Khai thác B K57	1221010249		
18	S18	Ngô Xuân Ngọc	Xây dựng CTN B K58	1321070137		
19	S19	Phạm Thị Nhung		1321070613		
20	S20	Trần Văn Ninh		1331070313		
21	S21	Đỗ Đăng Quyết	Xây dựng CTN B K58	1321070156		
22	S22	Phạm Văn Thắng	Xây dựng CTN B K58	1321070180		
23	S23	Lê Tiến Thành	Khai thác A K57	1221040233		
24	S24	Đặng Văn Thành	HTCS K58	1321070174		
25	S25	Nguyễn Văn Thành		1331070316		
26	S26	Lê Thị Thu Thảo	HTCS K58	1321070652		



27	S27	Tổng Nguyên Toàn	Xây dựng CTN K57	1221070290		
28	S28	Phùng Đức Toàn	Xây dựng CTN B K58	1321070496		
29	S29	Phạm Văn Trường	Xây dựng CTN K58	1321070199		
30	S30	Trần Văn Tú	Thiết bị dầu khí K57	1221010385		
31	S31	Nguyễn Thanh Tùng	HTCS K57	1221070169		
32	S32	Nguyễn Bá Tuyên	DD & CN B K58	1321070709		

(tổng số 32 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: THỦY LỰC

Phòng thi: D4-2

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	TL01	Nguyễn Thị Lan Anh	Tuyển khoáng A K57	1121040008		
2	TL02	Đình Minh Cương	Khai thác G K57	1121040032		
3	TL03	Nguyễn Công Duy	Khai thác C K56	1121040044		
4	TL04	Nguyễn Bá Dương	Khai thác B K57	1121040046		
5	TL05	Vũ Văn Đạt	Khai thác H K57	1221040056		
6	TL06	Nguyễn Ngọc Định	Khoan khai thác A K57	1221010099		
7	TL07	Nguyễn Thị Hạnh	Tuyển khoáng A K57	1121040082		
8	TL08	Bùi Thanh Hoan	Khoan khai thác A K57	1221070057		
9	TL09	Đào Xuân Khang	Khoan khai thác B K57			
10	TL10	Phạm Khắc Khương	Ngâm và Mỏ K57	1221070081		
11	TL11	Nguyễn Hoài Lâm	Khai thác B K57	1121040409		
12	TL12	Nguyễn Thành Lâm	Máy và Thiết bị Mỏ K56	1121060236		
13	TL13	Nguyễn Duy Quang	Khai thác G K57	1121040196		
14	TL14	Hoàng Trọng Vọ	Khoan khai thác A K57	1221010420		

(tổng số 14 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: TIẾNG ANH K55+56+57

Phòng thi: D2-1

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N01	Trương Phạm Phương Anh	QTKD B 57	1224010014		
2	N02	Phùng Thị Ngọc Anh	Trắc địa A K56	1121030230		
3	N03	Nguyễn Thị Vân Anh	Khoan khai thác B K56	1121010381		
4	N04	Phùng Quang Bảo	Bản đồ K56	1121030234		
5	N05	Đào Duy Bảo	Địa chính K57	1121030248		
6	N06	Đào Văn Chắc	Mỏ CT K56	1121030238		
7	N07	Bùi Công Chức	Khai thác D K56	1121040025		
8	N08	Phạm Thị Kim Dung	Kế toán A 57	1224010039		
9	N09	Trần Ánh Dương	Khai thác B K56	1121040059		
10	N10	Phạm Văn Duy	Khai thác A K57	1221040041		
11	N11	Trần Xuân Đoàn	Kỹ thuật dầu khí K57			
12	N12	Đoàn Mạnh Hà	ĐCTV A K57	1221010115		
13	N13	Trần Xuân Hà	Mỏ CT K56	1121030269		
14	N14	Vũ Thị Hải	Kế toán A 57	1224010064		
15	N15	Nguyễn Mạnh Hải	Bản đồ K57	1121030045		
16	N16	Trần Quốc Hải	Kỹ thuật dầu khí K56	1121010117		
17	N17	Lê Khắc Hạnh	NLK K56	1121020063		
18	N18	Đỗ Thu Hằng	Kế toán D 57	122401007		
19	N19	Bùi Thu Hiền	Kế toán B 57	1224010393		
20	N20	Lã Thu Hiền	Kế toán A56	1124010085		
21	N21	Nguyễn Thị Hoa	QTKD B 57	1224010093		
22	N22	Vũ Thu Hoài	Kế toán C 57	1224010104		
23	N23	Phạm Thị Hồng	Tin học Địa chất K56	1121050215		
24	N24	Trần Thị Hồng	Kế toán A 57	1221050211		
25	N25	Hà Mạnh Hùng	Khai thác A K57	1221040106		
26	N26	Vũ Quốc Hùng	Địa chất dầu K56	1121060223		
27	N27	Đặng Hữu Hưng	Trắc địa B K57	1221030078		
28	N28	Nguyễn Việt Hưng	CTTT K3	CTTT12210109		
29	N29	Trần Thị Việt Hương	Tin học Trắc địa K56	1121050232		
30	N30	Phạm Thu Hường	Địa chất dầu K56	1121010180		
31	N31	Tổng Thị Hưng	Trắc địa B K57	1221030500		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
32	N32	Nguyễn Quang Huy	Khai thác D K56	1121040375		
33	N33	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Kế toán B 56	1124010128		
34	N34	Vũ Thị Minh Huyền	Địa chính K56	1121030307		
35	N35	Vũ Quốc Khánh	CNPM K57	1221050262		
36	N36	Ngô Văn Khuê	Khoan khai thác B K56	1121010189		
37	N37	Ngô Thị Liên	Địa chính K56	1121030331		
38	N38	Đỗ Mỹ Linh	Kế toán B 57	1224010424		
39	N39	Nguyễn Thị Thùy Linh	CTTT K3	CTTT12210112		
40	N40	Bùi Thị Loan	Tin học Trắc địa K56	1121050058		
41	N41	Nguyễn Ngọc Lương	Kế toán C 57	1224010170		
42	N42	Phạm Duy Mạnh	ĐCCT B K56	1121020121		
43	N43	Nguyễn Thị Thúy May	Địa chính K56	1121030343		
44	N44	Phạm Thị Minh	Kế toán C 57	1224010182		
45	N45	Nguyễn Tuấn Nam	GIS K56	1121030218		
46	N46	Đoàn Văn Nam	Khoan khai thác B K56	1121010600		
47	N47	Hoàng Thị Ngọc	Tin học Kinh tế K56	1121050267		
48	N48	Vũ Thị Bích Ngọc	KT Môi trường K57	1221030369		
49	N49	Phạm Thị Bích Phượng	Kế toán D 57	1224010449		
50	N50	Đỗ Mạnh Quân	KT Môi trường K57	1221080135		
51	N51	Trần Nguyễn Mạnh Quân	CTTT K3	CTTT12210129		
52	N52	Đặng Thị Như Quỳnh	GIS K57	1121030127		
53	N53	Tieng Rathnak	Khai thác A K56	1121040457		
54	N54	Tổng Hùng Sơn	Kỹ thuật dầu khí K56	1121060128		
55	N55	Nguyễn Quốc Sự	GIS K56	1221030147		
56	N56	Phạm Văn Thanh	Địa chất dầu K56	1121010299		
57	N57	Nguyễn Huy Thành	CTTT K3	CTTT12210121		
58	N58	Kiều Ngọc Thành	CTTT K3	CTTT12210120		
59	N59	Tô Hữu Thắng	CTTT K3	CTTT12210122		
60	N60	Trần Công Thắng	Lọc hóa Dầu B K57	1221010327		
61	N61	Nguyễn Ngọc Thịnh	Trắc địa C K56	1121030402		
62	N62	Trần Vĩnh Thọ	Địa chính K57	1121030426		
63	N63	Ngô Thị Kim Thoa	Địa chính K57	1121030434		
64	N64	Hoàng Thái Huyền Trang	QTKD A 57	1224010297		
65	N65	Hoàng Hoài Trang	Trắc địa C K57	1221030169		
66	N66	Nguyễn Quang Trung	CTTT K3	CTTT12210127		
67	N67	Phạm Xuân Trường	Địa Vật lý K55	1021010376		
68	N68	Nguyễn Minh Tuấn	Tự động Hóa B K56	1121060164		
69	N69	Phạm Minh Tuấn	CTTT K3	CTTT12210124		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
70	N70	Hoàng Minh Tuấn	CTTT K3	CTTT12210125		
71	N71	Phạm Công Tùng	Tự động Hóa A K57	1221060171		
72	N72	Vũ Sơn Tùng	ĐCCT B K56	1121020232		
73	N73	Phạm Mạnh Tùng	Khai thác G K57	1221040462		
74	N74	Nguyễn Duy Tùng	Trắc địa C K56	1121030438		
75	N75	Nguyễn Văn Tùng	GIS K57	1221030487		
76	N76	Phạm Mạnh Tùng	Khai thác G K57	1221040462		
77	N77	Lương Ngọc Tuyên	Địa chất dầu K56	1121010393		
78	N78	Nguyễn Thị Vân	Địa chất dầu K56	1121010398		
79	N79	Nguyễn Thị Bích Vân	Bản đồ K56	1121030207		
80	N80	Nguyễn Thị Hải Yến	QTKD A 57	1224010345		
81	N81	Trần Thị Yến	Địa Vật lý K55	1021010421		

(tổng số 81 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

7

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: TIẾNG ANH K58

Phòng thi: D4-1

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N82	Nguyễn Thị Hải Anh	Địa vật lý K58	1321010011		
2	N83	Mai Ngọc Anh	Địa chính B K58			
3	N84	Nguyễn Đức Tuấn Anh	Tin học Địa chất K58	1321050149		
4	N85	Nguyễn Công Trí Anh	CTTT K4	13210103		
5	N86	Chữ Xuân Anh	Địa vật lý K58	1321010002		
6	N87	Trần Ngọc Ánh	ĐC B K58	1321020423		
7	N88	Vũ Xuân Bắc	Máy và thiết bị Mỏ K58	1321060023		
8	N89	Phạm Xuân Nam Chính	Mạng MT K58	1321050434		
9	N90	Ngô Thị Doan	Kế toán G K58	1324010038		
10	N91	Trần Việt Dũng	CTTT K4	13210116		
11	N92	Phạm Văn Duy	Khai thác A K57	1221040041		
12	N93	Hồ Xuân Hoàng Dương	Khoan Khai thác A K58	1321010090		
13	N94	Nguyễn Quang Đăng	ĐCTV B K58	1321020472		
14	N95	Lê Thành Đô	Địa vật lý K58	1321010107		
15	N96	Nguyễn Đình Đức	ĐCCT B K58	1321020497		
16	N97	Nguyễn Trọng Đức	QTKD A K58	1324010711		
17	N98	Ngô Thị Giang	Kế toán D K58	1324010067		
18	N99	Đỗ Linh Giang	GIS K58			
19	N100	Nguyễn Việt Hà	Kế toán A K58	1324010465		
20	N101	Trần Nam Hải	Mạng Máy tính K58	1321050513		
21	N102	Nguyễn Thị Hằng	Tin học Kinh tế B K58	1321050527		
22	N103	Nguyễn Thị Hằng	Trắc địa A K58			
23	N104	Hà Mạnh Hùng	Khai thác A K57	1221040106		
24	N105	Lâm Mạnh Hùng	CNPM K58	1321050566		
25	N106	Tạ Duy Hưng	CTTT K4	13210129		
26	N107	Trương Thị Thu Hương	Kế toán G K58	1324010134		
27	N108	Nguyễn Thị Quỳnh Liên	GIS K58			
28	N109	Nguyễn Thị Khánh Linh	Kế toán A K58	1324010561		
29	N110	Vũ Bảo Linh	Kế toán G K58	1321040156		
30	N111	Phạm Thị Lưu Ly	Tin học Kinh tế A K58	1321050630		
31	N112	Lưu Thị Mai	ĐST và CNMT K58	1321050126		
32	N113	Trần Kiều Mỹ	CTTT K4	13210140		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
33	N114	Phạm Thị Như	Kế toán B K58	1324010210		
34	N115	Nguyễn Mạnh Phúc	ĐCB K58	1321020163		
35	N116	Nguyễn Ngọc Quân	Mạng Máy tính K58	1321050166		
36	N117	Phạm Đức Quang	QTKD C K58	1324010239		
37	N118	Nguyễn Văn Thanh	NLK K58	1321020712		
38	N119	Nguyễn Văn Thanh	Địa chất Dầu K58	1321010309		
39	N120	Cần Trung Thành	Khoan Khai thác A K58	1321010312		
40	N121	Vũ Thị Thạch Thảo	Kế toán B K58	1324010266		
41	N122	Nguyễn Mạnh Thể	Địa vật lý K58	1321010337		
42	N123	Nguyễn Thị Minh Thúy	QTKD A K58	1324010454		
43	N124	Chu Thị Thùy	Kế toán C K58	1324010285		
44	N125	Phạm Thị Hà Trang	Kế toán A K58	1324010320		
45	N126	Phạm Quỳnh Trang	Địa vật lý K58	1321010371		
46	N127	Lê Thùy Trang	Kế toán B K58	1324010725		
47	N128	Nguyễn Thị Thùy Trang	Địa vật lý K58	1321010370		
48	N129	Nguyễn Hữu Tráng	NLK K58	1321020763		
49	N130	Đỗ Bảo Trâm	CTTT K4	13210154		
50	N131	Nguyễn Đình Tuấn	Tin học Địa chất K58	1321050212		
51	N132	Trần Quang Tuấn	Trắc địa A K58			
52	N133	Phạm Mạnh Tùng	Khai thác G K57	1221040462		
53	N134	Phạm Quốc Việt	Máy tự động thủy khí K58	1321060348		
54	N135	Đào Thị Yến	Kế toán A K58	1324010765		

(tổng số 54 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: TIẾNG ANH K59

Phòng thi: D4-1

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N136	Trần Quốc Anh	CTTT K5A	14210101		
2	N137	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	CTTT K5A	14210141		
3	N138	Nguyễn Xuân Chiến	CTTT K5A	14210143		
4	N139	Nguyễn Thành Công	CTTT K5A	14210103		
5	N140	Nguyễn Bá Cường	CTTT K5A	14210130		
6	N141	Nguyễn Thị Triều Dương	CTTT K5A	14210144		
7	N142	Phạm Thị Bình Dương	Kinh tế A K59	1421020034		
8	N143	Phạm Trường Giang	CTTT K5A	14210146		
9	N144	Lương Ngọc Hân	CTTT K5A	14210147		
10	N145	Ngô Công Hậu	CTTT K5A	14210135		
11	N146	Đoàn Thị Khánh Hòa	CTTT K5A	14210148		
12	N147	Phạm Minh Hoàng	CTTT K5A	14210132		
13	N148	Phan Huy Hoàng	CTTT K5A			
14	N149	Ngô Văn Hiếu	CTTT K5A	14210166		
15	N150	Lương Hữu Hưởng	CTTT K5A	14210107		
16	N151	Nguyễn Trọng Lợi	CTTT K5A	14210108		
17	N152	Nguyễn Diệu Linh	CTTT K5A	14210109		
18	N153	Lê Huy Minh	CTTT K5A	14210111		
19	N154	Phạm Nhật Minh	CTTT K5A			
20	N155	Phạm Thúy Nga	CTTT K5A	14210158		
21	N156	Nguyễn Thu Nguyệt	CTTT K5A	14210115		
22	N157	Hoàng Thị Minh Ngọc	CTTT K5A	14210117		
23	N158	Ngô Hồng Phong	CTTT K5A	14210118		
24	N159	Ngô Hào Quang	CTTT K5A			
25	N160	Ngô Anh Tuấn	CTTT K5A	14210162		
26	N161	Lê Thanh Tùng	CTTT K5A	14210121		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
27	N162	Ninh Khắc Thanh Tùng	CTTT K5A	14210122		
28	N163	Nguyễn Duy Dương Thanh	CTTT K5A	14210123		
29	N164	Nguyễn Công Thành	CTTT K5A	14210124		
30	N165	Nguyễn Phương Thảo	CTTT K5A	14210125		
31	N166	Nguyễn Phương Thảo	CTTT K5A	14210126		
32	N167	Nguyễn Quang Trường	CTTT K5A	14210128		
33	N168	Đoàn Thị Thu Vân	CTTT K5A	14210129		

(tổng số 33 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: TIN HỌC

Phòng thi: C504

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	T01	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Địa chất K57	1221050122		
2	T02	Phạm Ngọc Ánh	Công nghệ Phần mềm A K58	1321050421		
3	T03	Hoàng Tiến Dũng	Mỏ CT K56	1121030248		
4	T04	Nguyễn Thái Đại	Tin học Trắc địa K58	1321050476		
5	T05	Nguyễn Xuân Hòa	Mạng Máy tính K58	1321050551		
6	T06	Nguyễn Mạnh Hùng	Công nghệ Phần mềm A K58	1321050569		
7	T07	Nguyễn Đức Huy	Công nghệ Phần mềm A K58	1321050090		
8	T08	Nguyễn Bá Lâm	Trắc địa A K56	1121030099		
9	T09	Đào Văn Mạnh	Tin học Địa chất K56	1121050063		
10	T10	Nguyễn Đức Mạnh	Công nghệ phần mềm K57	1221050298		
11	T11	Đinh Xuân Minh	Kinh tế B K59	1424010123		
12	T12	Phạm Xuân Nam	Mạng Máy tính K58	1321050434		
13	T13	Vũ Mạnh Quang	CNPM K58	1321050670		
14	T14	Nguyễn Văn Quân	Công nghệ phần mềm K55	1021050283		
15	T15	Nguyễn Thị Thắm	Tin học Địa chất K56	1121050095		
16	T16	Trương Hải Thành	Tin học Kinh tế B K58	1321050794		
17	T17	Đỗ Thanh Tùng	Công nghệ phần mềm K55	1021050286		
18	T18	Thái Bá Vũ	Khoan Khai Thác B K57			

(tổng số 18 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi : VẬT LÝ

Phòng thi: D4-2

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	L01	Dương Hùng Cường	Địa vật lý K57	1121010044		
2	L02	Đặng Tiến Đông	Trắc địa K58	1321010109		
3	L03	Vũ Đình Hạnh	Tự Động Hóa K55	1021060300		
4	L04	Trịnh Thị Hạnh	Địa sinh thái và CNMT K58	13210805435		
5	L05	Trần Thị Hằng	Địa sinh thái và CNMT K58	1321080027		
6	L06	Trần Trung Hiếu	Khai thác A K55	1021040106		
7	L07	Nguyễn Năng Hùng	Trắc địa A K57			
8	L08	Trương Phú Hữu	Khai thác D K56	1121040139		
9	L09	Nguyễn Văn Huynh	KKT A K57	1221010161		
10	L10	Đoàn Thảo Liên	KTD K57	1121060128		
11	L11	Nguyễn Quang Minh	Trắc địa A K58	1321010109		
12	L12	Vũ Trà My	CNPM K59	1421050514		
13	L13	Nguyễn Văn Nam	Điện Khí Hóa K58	1321060199		
14	L14	Mai Thị Thúy Ngân	Địa sinh thái và CNMT K58	1321080485		
15	L15	Trần Thị Ngát	Bản đồ K58	1321030163		
16	L16	Nguyễn Văn Phương	ĐCD K57	1221010269		
17	L17	Nguyễn Viết Phụng	KKT A K57	1221010271		
18	L18	Lê Thị Quỳnh	ĐC A K57	1221080061		
19	L19	Nguyễn Bá Sơn	Điện Khí Hóa K58	1321060549		
20	L20	Nguyễn Văn Thuận	KKT A K57	1321010349		
21	L21	Lê Hải Yến	Bản đồ K58	1321030267		

(tổng số 21 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi : TIẾNG ANH K55+56+57

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N01	Ngô Hải Đăng	TĐH K57	1221011002		
2	N02	Trần Huy Hoàng	KKT K57	1221011137		

(tổng số 02 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi : TIẾNG ANH K58

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N03	Vũ Hồng Long	KKT K58	1321011071		

(tổng số 01 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi : KHOA HỌC MÁC – LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	M01	Nguyễn Thị Dung	K59A	1421011058		
2	M02	Nguyễn Hữu Hạnh	K59B	1421011114		
3	M03	Nguyễn Trọng Hải	K59B	1421011109		

(tổng số 03 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: **CƠ SỞ LÝ THUYẾT MẠCH**

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	LT01	Nguyễn Thị Hằng	TĐH K56	1121011021		
2	LT02	Phùng Văn Minh	TĐH K57	1221011049		

(tổng số 02 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: SỨC BỀN VẬT LIỆU

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	SB01	Trần Văn Đức	KKT K57	1221011224		
2	SB02	Hoàng Quốc Dũng	KKT K57	1221011024		
3	SB03	Nguyễn Dương Hòe	KKT K57	1221011177		
4	SB04	Hoa Xuân Lân	KKT K57	1221011222		
5	SB05	Đỗ Văn Lợi	KKT K57	1221011045		
6	SB06	Phạm Đức Nhuận	KKT K57	1221011125		
7	SB07	Trần Nguyên Phụng	TBDK K57	1221011158		
8	SB08	Nguyễn Tuấn Thiên	KKT K57	1221011077		
9	SB09	Nguyễn Thị Hà Thu	TBDK K57	1221011179		
10	SB10	Nguyễn Đình Tịnh	TBDK K57	1221011169		
11	SB11	Phạm Đức Triển	KKT K57	1221011174		
12	SB12	Lê Thanh Tùng	KKT K57	1221011081		
13	SB13	Trịnh Quang Tuyên	KKT K57	1221011094		

(tổng số 13 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: **VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG**

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	VL01	Nguyễn Minh Phúc	KKT K58	1321011086		

(tổng số 01 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	HH01	Trần Quốc Toàn	KKT K58	1321011104		

(tổng số 01 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

Môn thi: ĐẠI SỐ

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	sMssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	ĐS1	Phan Thị Lan Anh	K59 A	1421011016		
2	ĐS2	Nguyễn Văn Bình	K59 B	1421011024		
3	ĐS3	Trần Đình Đức	K59 B	1421011094		
4	ĐS4	Ngô Viết Gia Hòa	K59 B	1421011129		
5	ĐS5	Hoàng Văn Hưng	K59 B	1421011163		
6	ĐS6	Nguyễn Đăng Vũ	K59 B	1421011153		

(tổng số 06 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen, thưởng cho sinh viên đạt giải tại kỳ thi Olympic
cấp Trường năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ Trường Đại học” được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-MĐC ngày 26/5/2014 về việc ban hành "Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ kết quả tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường và Nghị quyết cuộc họp xét giải thưởng Olympic cấp Trường năm 2015, ngày 07/4/2015;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường, các ông (bà) Trưởng phòng KHCN và Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho các sinh viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2015.

Điều 2. Trích 13.200.000đ (mười ba triệu hai trăm ngàn đồng) thưởng cho các sinh viên đạt giải (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 3. Giao cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS HCM) Trường chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan và tổ chức trao thưởng cho các sinh viên đạt giải.

Điều 4. Ban Tổ chức Olympic cấp Trường, Trưởng các Khoa, Trưởng các phòng: KHCN, Tài vụ, Bí thư Ban chấp hành Đoàn TNCS HCM Trường và các sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: KHCN, HCTH, Tài vụ.

2



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Thanh Hải

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG SINH VIÊN ĐẠT GIẢI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2015

(kèm theo quyết định số 570/QĐ.MĐC ngày 07/5/2015)

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Mức thưởng	Ghi chú
I GIẢI NHẤT (11 giải)					
1	Nguyễn Viết Phụng	Khoan khai thác A K57	Vật lý	300,000	
2	Dương Hùng Cường	Địa vật lý K57		300,000	
3	Đinh Minh Cương	Khai thác G K57	Thủy lực	300,000	
4	Vũ Văn Đạt	Khai thác H K57		300,000	
5	Nguyễn Ngọc Định	Khoan khai thác A K57		300,000	
6	Nguyễn Huy Khánh	Máy và TB Mỏ K56	Chi tiết máy	300,000	
7	Nguyễn Thành Kiên	Máy và TB Mỏ K55		300,000	
8	Phạm Thị Bình Dương	Kinh tế A K59	Tiếng Anh K59	300,000	
9	Nguyễn Bùi Minh Ngọc	Lọc hóa dầu A K57	Hóa học	300,000	
10	Đinh Văn Điệp	Ngâm và Mỏ K57	Cơ học đất	300,000	
11	Trần Trung Hiếu	Địa chất A K58	Giải tích	300,000	
II GIẢI NHÌ (19 giải)					
1	Trần Trung Hiếu	Khai thác A K55	Vật lý	200,000	
2	Hoàng Trọng Vọ	Khoan khai thác A K57	Thủy lực	200,000	
3	Nguyễn Hữu Hạnh	K59B	Khoa học Máy - Lê ninh và TT HCM	200,000	Vũng Tàu
4	Nguyễn Văn Phong	Lọc hóa Dầu B K57	Hóa học	200,000	
5	Trần Đình Linh	Lọc hóa Dầu B K56	Hóa học	200,000	
6	Nguyễn Xuân Lê	Khai thác G K56	Cơ lý thuyết	200,000	
7	Nguyễn Văn Thái	Máy& TB Mỏ K57	Chi tiết máy	200,000	
8	Nguyễn Công Bằng	Máy& TB Mỏ K56		200,000	
9	Nguyễn Văn Tuấn	Máy& TB Mỏ K55		200,000	
10	Nguyễn Đức Hải	Máy& TB Mỏ K55		200,000	
11	Nguyễn Trọng Sơn	Địa chất Dầu K56	Đại số	200,000	
12	Phạm Ngọc Sơn	Lọc hóa Dầu A K57		200,000	
13	Phạm Đức Tuấn	Khoan Khai thác B K56		200,000	
14	Phạm Lê Hoàng Linh	Địa vật lý K57	Giải tích	200,000	
15	Bùi Công Chức	Khai thác D K56	Tiếng Anh K55+56+57	200,000	
16	Nguyễn Minh Tuấn	Tự động Hóa B K56		200,000	
17	Cần Trung Thành	Khoan Khai thác A K58	Tiếng Anh K58	200,000	
18	Đỗ Bảo Trâm	CTTT K4		200,000	
19	Ngô Văn Hiếu	CTTT K5A	Tiếng Anh K59	200,000	
III GIẢI BA (30 giải)					
1	Nguyễn Thái Đại	Tin học Trắc địa K58	Tin học	150,000	
2	Phạm Thị Hương	Xây dựng CTN B K58	Sức bền vật liệu	150,000	



STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Mức thưởng	Ghi chú
3	Lý Thị Thủy	Trắc địa B K57	Khoa học Mác - Lê nìn và TT HCM	150,000	
4	Nguyễn Thị Dung	K59A		150,000	Vũng Tàu
5	Trịnh Quốc Huy	MCT K57		150,000	
6	Trần Thị Việt	Kế toán B K58		150,000	
7	Đỗ Thị Lan Anh	Trắc địa B K59		150,000	
8	Phan Thế Anh	GIS K58		150,000	
9	Trần Thị Thúy Nga	Lọc hóa Dầu A K57	Hóa học	150,000	
10	Nguyễn Văn Cường	Lọc hóa Dầu A K58		150,000	
11	Nguyễn Đình Đức	Lọc hóa Dầu A K58		150,000	
12	Trần Văn Hưng	Khoan khai thác A K57	Hình họa	150,000	
13	Đỗ Quốc Doanh	Địa chất A K56	Cơ lý thuyết	150,000	
14	Ngô Thị Liên	ĐCCT B K56	Cơ học đất	150,000	
15	Đoàn Văn Nam	Khoan khai thác B K56	Tiếng Anh K55+56+57	150,000	
16	Bùi Thu Hiền	Kế toán B 57		150,000	
17	Nguyễn Thị Vân	Địa chất dầu K56		150,000	
18	Đỗ Linh Giang	GIS K58	Tiếng Anh K58	150,000	
19	Phạm Quỳnh Trang	Địa vật lý K58		150,000	
20	Phạm Xuân Nam Chính	Mạng MT K58		150,000	
21	Trần Nam Hải	Mạng Máy tính K58		150,000	
22	Vũ Hồng Long	KKT K58		150,000	Vũng Tàu
23	Vũ Thị Thanh Hương	CTTT K4		150,000	
24	Nguyễn Công Trí Anh	CTTT K4		150,000	
25	Trần Kiều Mỹ	CTTT K4		150,000	
26	Ngô Công Hậu	CTTT K5A	Tiếng Anh K59	150,000	
27	Ngô Hồng Phong	CTTT K5A		150,000	
28	Phạm Trường Giang	CTTT K5A		150,000	
29	Lê Huy Minh	CTTT K5A		150,000	
30	Phạm Thúy Nga	CTTT K5A		150,000	
IV	GIẢI KHUYẾN KHÍCH (16 giải)				
1	Nguyễn Bá Tuyên	DD & CN B K58	Sức bền vật liệu	100,000	
2	Trần Văn Tú	Thiết bị dầu khí K57		100,000	
3	Nguyễn Xuân Huy	Tuyển khoáng A 57		100,000	
4	Lại Thị Ngọc Quỳnh	ĐC A K59	Khoa học Mác - Lê nìn và TT HCM	100,000	
5	Nguyễn Đức Huy	Công nghệ Phần mềm A K58	Tin học	100,000	
6	Phạm Văn Công	ĐCCT B K56	Cơ học đất	100,000	
7	Trần Văn Tuyên	Điện Điện tử A K58	Đại số	100,000	

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Mức thưởng	Ghi chú
8	Cao Văn Trung	Tin Trắc Địa K59	Giải tích	100,000	
9	Phạm Xuân Trường	Địa Vật lý K55	Tiếng Anh K55+56+57	100,000	
10	Vũ Quốc Hùng	Địa chất dầu K56		100,000	
11	Nguyễn Việt Hưng	CTTT K3		100,000	
12	Ngô Văn Khuê	Khoan khai thác B K56		100,000	
13	Hoàng Văn Tuấn	CTTT K3		100,000	
14	Lã Thu Hiền	Kế toán A K56		100,000	
15	Tô Hữu Thắng	CTTT K3		100,000	
16	Vũ Sơn Tùng	ĐCCT B K56		100,000	



Số: 571 /QĐ.MĐC

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen, thưởng cho sinh viên đạt giải “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam”
năm 2014 và thi Olympic Quốc gia năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ Trường Đại học” được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương V "Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên" quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 487/QĐ-MĐC, ngày 08/5/2014;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ - MĐC ngày 25/6/2014 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả tham dự giải “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết quả thi Olympic Quốc gia năm 2015;

Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng KHCN và Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen thưởng cho các sinh viên đạt giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” năm 2014 và Olympic Quốc gia năm 2015.

Điều 2. Trích 5.100.000đ (năm triệu một trăm ngàn đồng) trong quỹ khen thưởng của Nhà trường thưởng cho các sinh viên đạt giải (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 3. Giao cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS HCM) Trường chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan và tổ chức trao thưởng cho các sinh viên đạt giải.

Điều 4. Trưởng các phòng: Khoa học Công nghệ, Tài vụ, Bí thư Ban chấp hành Đoàn TNCS HCM Trường và các sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu KHCN, HCTH, Tài vụ.

4

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH KHEN, THƯỞNG CHO SINH VIÊN
ĐẠT GIẢI THƯỞNG “TÀI NĂNG KHOA HỌC TRẺ VIỆT NAM” NĂM 2014
VÀ OLYMPIC QUỐC GIA NĂM 2015
(kèm theo Quyết định số 571/QĐ-MĐC ngày 07/5/2015)

TT	Họ và tên sinh viên	Lớp	Môn thi	Đạt giải	Mức thưởng (đ)	Ghi chú
1	Trần Trung Hiếu	Khai thác A K55	Vật lý	Nhì	400.000	
2	Dương Hùng Cường	Địa vật lý K57	Vật lý	Nhì	400.000	
3	Nguyễn Văn Huynh	Khoan Khai thác A K57	Vật lý	Nhì	400.000	
4	Vũ Đình Hạnh	Tự động hóa K55	Vật lý	Nhì	400.000	
5	Nguyễn Viết Phụng	Khoan Khai thác A K57	Vật lý	Nhì	400.000	
6	Cao Văn Trung	Tin học Trắc địa K59	Giải tích	Nhất	500.000	
7	Trần Trung Hiếu	Địa chất B K58	Giải tích	Nhất	500.000	
8	Phạm Lê Hoàng Linh	Địa vật lý K57	Giải tích	Nhì	400.000	
9	Lê Thế Anh	Dầu khí B K59	Giải tích	Nhì	400.000	
10	Trần Văn Tuyển	Điện - Điện tử A K58	Đại số	Ba	300.000	
11	Phan Công Đại Bùi Thị Châm Trịnh Quang Trường Nguyễn Mạnh Trung Bùi Văn Vượng	Lọc - Hóa dầu B K55	Tài năng khoa học trẻ Việt Nam	Nhất	500.000	
12	Phạm Thương Mai Nguyễn Đức Nghĩa Trần Thị Ngân Nguyễn Đức Kiên	Điện - Điện tử K55	Tài năng khoa học trẻ Việt Nam	Ba	300.000	
13	Nguyễn Thị Huế Nguyễn Văn Hậu Đào Quốc Đại Phạm Xuân Trường	Tuyển khoáng K54	Tài năng khoa học trẻ Việt Nam	Khuyến khích	100.000	
14	Nguyễn Thị Hạnh Như Nguyễn Đức Mạnh Lê Hải Hoàn Lê Phú Cường Lê Văn Huy	Địa sinh thái và CNMT K55	Tài năng khoa học trẻ Việt Nam	Khuyến khích	100.000	
Tổng cộng					5.100.000đ	